

Bản án số: 101/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15-4-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Xuân Lộc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thục.

Bà Nguyễn Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐ-ST ngày 15/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị L, sinh ngày 14/02/1992 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Chị L ủy quyền cho anh Trần Văn Đ, sinh năm 1987 – Công ty luật M;
Địa chỉ: tổ A, khu B, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội giao nhận tài liệu với Tòa án.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Viết C, sinh ngày 10/11/1990 (vắng mặt)

Nơi thường trú và nơi cư trú cuối cùng của anh C tại Việt Nam: thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Ngô Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn chị, anh C được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 11/9/2015 tại Ủy ban nhân dân xã

Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh C làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn năm 2019 anh C đi lao động tại Đài Loan. Sau khi sang Đài Loan vợ chồng vẫn hòa thuận, nhưng đến tháng 12/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 12/2020 đến nay chị và anh C không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Viết C.

Về con chung: Chị, anh C có 01 con chung là cháu Trịnh Mai H, sinh ngày 22/6/2016. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trịnh Viết C là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 04/12/2023 và 22/12/2023, ông Trịnh Văn Đ là bố anh Trịnh Viết C cho biết.

Về của anh C, chị L ông cho biết: Anh, chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị L về nhà ông làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Năm 2019 anh C đi lao động tại Đài Loan. Sau khi sang Đài Loan anh, chị vẫn hòa thuận nhưng đến tháng 12/2020 thì thấy anh, chị nói vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh, chị nói là do bất đồng quan điểm sống. Ông có khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn để cùng chăm sóc con nhưng không được.

Về con chung: Chị L và anh C có 01 con chung là cháu Trịnh Mai H, sinh ngày 22/6/2016 hiện đang sinh sống cùng chị L.

Ngoài ra ông cho biết: Trước khi đi lao động tại Đài Loan anh C sinh sống cùng gia đình tại thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi sang Đài Loan anh C vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Ông đã thông báo cho anh C biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung giữa chị L và anh C.

Cháu Trịnh Mai H trình bày: Hiện nay cháu đang sinh sống cùng mẹ. Bố cháu hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng rất ít khi gọi điện về hỏi thăm tình hình sức khỏe và học tập của cháu. Vì vậy, nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn ở cùng mẹ.

Tại phiên tòa, chị Ngô Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trịnh Viết C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Ngô Thị L; Biên bản làm việc với bố của anh Trịnh Viết C và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị L và xử:

Về hôn nhân: chị Ngô Thị L được ly hôn anh Trịnh Viết C.

Về con chung: Do anh C hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu và Trịnh Mai H, sinh ngày 22/6/2016 cho chị Ngô Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị L khởi kiện xin ly hôn anh C và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Công văn số 31671/QLXNC-P3 ngày 24/11/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh Trịnh Viết C, sinh ngày 10/11/1990 đã xuất cảnh gần nhất ngày 05/3/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, anh C được xác

định là đang ở nước ngoài. Mặt khác, anh C là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: chị Ngô Thị L là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và ông Trịnh Văn Đ, Tòa án xác định được nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh C ở Việt Nam là: thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh C thông qua gia đình và đề nghị gia đình anh C thông báo cho anh C biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa chị Ngô Thị L và anh Trịnh Viết C. Gia đình anh C cho biết anh C vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh C không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh C tại Đài Loan. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về hôn nhân: Chị Ngô Thị L và anh Trịnh Viết C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 11/9/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Trịnh Viết C.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L với anh C, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị L và anh C chung sống hòa thuận đến tháng 12/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Kể từ đó anh C, chị L không còn liên lạc, quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Mặc dù, trong thời gian mâu thuẫn anh, chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo và bản thân anh, chị cũng đã chủ động nói chuyện hàn gắn tình cảm nhưng không được. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh C là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Chị L và anh C có 01 con chung là cháu cháu Trinh Mai H, sinh ngày 22/6/2016. Hiện nay cháu H đang sinh sống cùng chị L. Sau khi ly hôn chị L đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị L: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh C đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Mặt khác, từ khi anh C đi nước ngoài cho đến nay cháu H vẫn sinh sống cùng chị L, cháu phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Ngoài ra, cháu H trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy giao cháu H cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo các quyền lợi của cháu hơn anh C và phù hợp với thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn anh Trịnh Viết C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp anh Trịnh Viết C về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ: Do chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

[8.1] Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, chị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

[8.2] Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, anh C đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: chị Ngô Thị L được ly hôn anh Trịnh Viết C.

2. Về con chung: Giao cháu Trinh Mai H, sinh ngày 22/6/2016 cho chị Ngô Thị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Trịnh Viết C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000820 ngày 03/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Ngô Thị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Ngô Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Trịnh Viết C có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Xuân Lộc